

Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội Viện Điện Bộ môn Điều khiển tự động	EE2000 Tín hiệu và hệ thống Thi cuối kỳ 20171 (2017-2018) Thời gian thi: 90 phút Ngày thi: 08/01/2018 Đề số 1	Điểm thi:
Họ tên SV: <u>Đáp án</u> Mã số SV: Số thứ tự:	Chữ ký CB chấm thi: <u>Đáp án</u>	Chữ ký CB coi thi:

Lưu ý: Sinh viên làm bài vào 3 mặt giấy này. Nếu trình bày vào mặt giấy thứ 4 sẽ bị trừ một nửa số điểm của phần trình bày đó. Chỉ được sử dụng quyển bài tập có dấu đỏ của Bộ môn và máy tính không lập trình được. (Sinh viên tắt điện thoại di động. Không sử dụng bút phẩy, bút tẩy).

PHẦN A: TÍN HIỆU VÀ HỆ THỐNG LIÊN TỤC

Bài 1 (Đáp ứng của hệ thống)

Cho hệ thống LTI nhân quả có hàm truyền:

$$H(s) = \frac{10}{s^2 + 10s + 100}$$

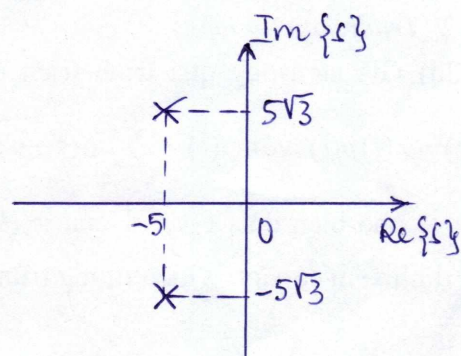
- a) (1đ) Hãy vẽ sơ đồ điểm cực của hệ. Hãy xác định các giá trị ω_n và ζ . Hệ có ổn định không? Tại sao?

Hai điểm cực là $s_{1,2} = -5 \pm j5\sqrt{3}$

$$\text{Vì } s^2 + 10s + 100 = s^2 + 2 \cdot \frac{1}{2} \cdot 10s + (10)^2$$

$$\Rightarrow \zeta = \frac{1}{2} \text{ và } \omega_n = 10$$

Hệ ổn định vì các điểm cực nằm hoàn toàn bên trái của trục ảo $\text{Im}\{s\}$

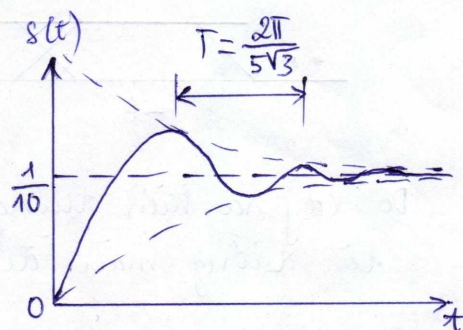


- b) (2đ) Hãy tìm biểu thức đáp ứng bước nhảy $s(t)$ của hệ. Vẽ phác $s(t)$.

$$\begin{aligned} \text{Ta có } \frac{H(s)}{s} &= \frac{10}{s(s^2 + 10s + 100)} = \frac{1/10}{s} - \frac{1/10s + 1}{s^2 + 10s + 100} \\ &= \frac{1}{10} \left[\frac{1}{s} - \frac{s+5}{(s+5)^2 + (5\sqrt{3})^2} - \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{5\sqrt{3}}{(s+5)^2 + (5\sqrt{3})^2} \right] \end{aligned}$$

$$\Rightarrow s(t) = \mathcal{L}^{-1} \left\{ \frac{H(s)}{s} \right\} = \frac{1}{10} \left(1 - e^{-5t} \cos 5\sqrt{3}t - \frac{1}{\sqrt{3}} e^{-5t} \sin 5\sqrt{3}t \right) u(t)$$

$$= \frac{1}{10} \left[1 - \frac{2}{\sqrt{3}} e^{-5t} \sin \left(5\sqrt{3}t + \frac{\pi}{3} \right) \right] u(t)$$



c) (1đ) Theo tính chất hàm riêng của hệ LTI, chúng ta đã biết rằng với tín hiệu vào $x(t) = e^{j\omega_0 t}$ thì tín hiệu ra $y(t) = H(j\omega_0)e^{j\omega_0 t}$ trong đó $H(j\omega)$ là đáp ứng tần số của hệ.

Hãy tìm đáp ứng của hệ (ở trạng thái xác lập) với tín hiệu vào $x(t) = \cos(10t)u(t)$. (Lưu ý: $u(t)$ là ký hiệu tín hiệu bước nhảy đơn vị).

Từ tính chất hàm riêng của hệ LTI ta suy ra được với tín hiệu vào $x(t) = (\cos \omega_0 t)u(t)$ thì tín hiệu ra (ở chế độ xác lập) là:

$$y_{ss}(t) = |H(j\omega_0)| \cos(\omega_0 t + \angle H(j\omega_0))$$

$$\text{Với } \omega_0 = 10 \text{ ta có } H(j10) = \frac{10}{(j10)^2 + 10j + 100} = \frac{10}{-100 + 100j + 100} = \frac{10}{100j} = 0.1 e^{-j\frac{\pi}{2}}$$

$$\Rightarrow |H(j10)| = 0.1 \text{ và } \angle H(j10) = -\frac{\pi}{2}$$

$$\Rightarrow y_{ss}(t) = |H(j10)| \cos(10t + \angle H(j10)) = 0.1 \cos(10t - \frac{\pi}{2})$$

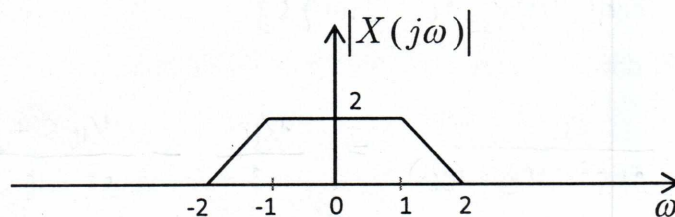
Bài 2 (Trích mẫu tín hiệu)

(2đ) Giả sử trong quá trình trích mẫu tín hiệu, ta thu được tín hiệu $x_s(t)$ từ tín hiệu $x(t)$. Biết rằng

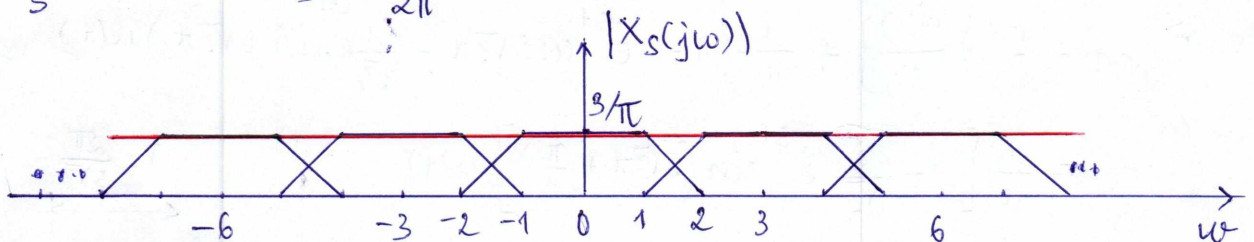
$x_s(t) = x(t)p(t)$ với $p(t) = \sum_{n=-\infty}^{\infty} \delta(t - nT)$ là hàm trích mẫu với chu kỳ trích mẫu $T = 2\pi/3$ giây.

Hãy vẽ phổ biên độ $|X_s(j\omega)|$ của $x_s(t)$ khi biết phổ biên độ $|X(j\omega)|$ của $x(t)$ có đồ thị như hình dưới đây.

Xác định xem có xảy ra hiện tượng trùng phổ hay không.



$T = \frac{2\pi}{3}$ do đó $\omega_s = \frac{2\pi}{T} = 3$. Phổ $|X_s(j\omega)|$ là đường mẫu đồ.



Do xảy ra hiện tượng trùng phổ nên phổ nhận được $|X_s(j\omega)|$ là đường mẫu đồ trên hình vẽ.

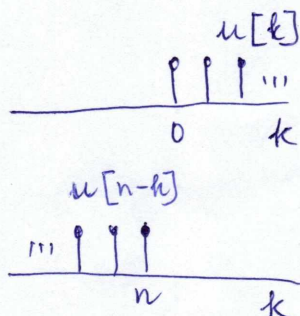
PHẦN B: TÍN HIỆU VÀ HỆ THỐNG KHÔNG LIÊN TỤC

Bài 3 (Tích chập không liên tục)

(2đ) Hãy tính tích chập $x[n] * v[n]$ trong đó $x[n] = u[n]$ và $v[n] = 2(0.8)^n u[n]$. (Lưu ý: $u[n]$ là ký hiệu tín hiệu bước nhảy đơn vị).

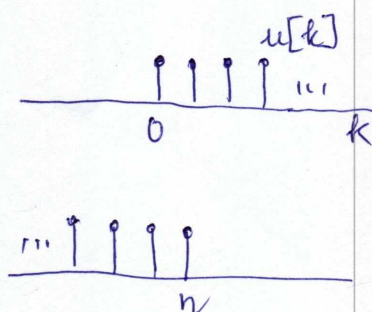
Đặt $y[n] = x[n] * v[n]$ nên ta có $y[n] = \sum_{k=-\infty}^{\infty} u[k] \cdot 2(0.8)^{n-k} u[n-k]$

Với $n < 0$



Hai đồ thị không chồng lên nhau
 $\Rightarrow y[n] = 0, n < 0$

Với $n \geq 0$



Hai đồ thị chồng lên nhau với $k = 0, 1, \dots, n$
 $\Rightarrow y[n] = \sum_{k=0}^n 2(0.8)^{n-k}$

$$y[n] = 2(0.8)^n \sum_{k=0}^n (0.8^{-1})^k$$

Áp dụng công thức

$$\sum_{k=0}^r \beta^k = \frac{1 - \beta^{r+1}}{1 - \beta}$$

$$\Rightarrow y[n] = 2(0.8)^n \frac{1 - (0.8^{-1})^{n+1}}{1 - 0.8^{-1}}$$

$$= -8(0.8^n - 1.25)$$

$$= -8(0.8)^n + 10, n \geq 0$$

Bài 4 (Phép biến đổi Z ngược)

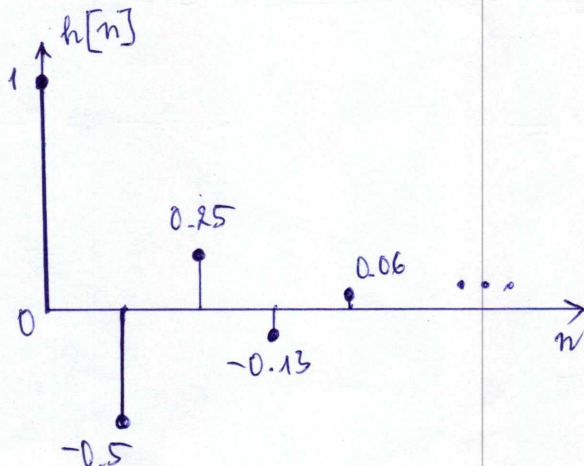
(2đ) Hãy tìm đáp ứng xung $h[n]$ cho hệ thống nhân quả có hàm truyền

$$H(z) = \frac{z(z-1)}{z^2 - 0.5z - 0.5}$$

Vẽ $h[n]$ với 5 giá trị đầu tiên của n .

Ta có $H(z) = \frac{z(z-1)}{(z-1)(z+0.5)} = \frac{z}{z+0.5}$

$$\Rightarrow h[n] = \mathcal{Z}^{-1}\{H(z)\} = (-0.5)^n u[n]$$



Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội Viện Điện Bộ môn Điều khiển tự động	EE2000 Tín hiệu và hệ thống Thi cuối kỳ 20171 (2017-2018) Thời gian thi: 90 phút Ngày thi: 08/01/2018 Đề số 2	Điểm thi:
Họ tên SV: <i>Đáp anh</i> Mã số SV: Số thứ tự:	Chữ ký CB chấm thi:	Chữ ký CB coi thi:

Lưu ý: Sinh viên làm bài vào 3 mặt giấy này. Nếu trình bày vào mặt giấy thứ 4 sẽ bị trừ một nửa số điểm của phần trình bày đó. **Chỉ được sử dụng quyển bài tập có dấu đỏ của Bộ môn và máy tính không lập trình được.** (Sinh viên tắt điện thoại di động. Không sử dụng bút phở, bút tẩy).

PHẦN A: TÍN HIỆU VÀ HỆ THỐNG LIÊN TỤC

Bài 1 (Đáp ứng của hệ thống)

Cho hệ thống LTI nhân quả có hàm truyền:

$$H(s) = \frac{1}{s^2 + 4s + 16}$$

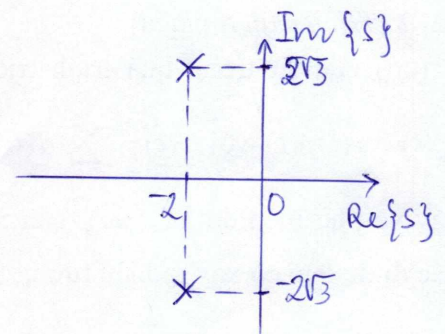
a) (1đ) Hãy vẽ sơ đồ điểm cực của hệ. Hãy xác định các giá trị ω_n và ζ . Hệ có ổn định không? Tại sao?

Hai điểm cực là $s_{1,2} = -2 \pm j2\sqrt{3}$

$$\text{Vi } s^2 + 4s + 16 = s^2 + 2 \cdot \frac{1}{2} \cdot 4s + 4^2$$

$$\Rightarrow \zeta = \frac{1}{2} \text{ và } \omega_n = 4.$$

Hệ ổn định vì các điểm cực nằm hoàn toàn bên trái trục $\text{Im}\{s\}$.



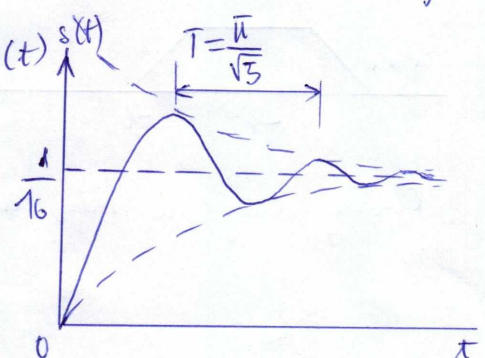
b) (2đ) Hãy tìm biểu thức đáp ứng bước nhảy $s(t)$ của hệ. Vẽ phác $s(t)$.

$$\text{Ta có } \frac{H(s)}{s} = \frac{1}{s(s^2 + 4s + 16)} = \frac{1/16}{s} - \frac{\frac{1}{16}s + \frac{1}{4}}{s^2 + 4s + 16}$$

$$= \frac{1}{16} \left[\frac{1}{s} - \frac{s+2}{(s+2)^2 + (2\sqrt{3})^2} - \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{2\sqrt{3}}{(s+2)^2 + 2\sqrt{3}} \right]$$

$$\Rightarrow s(t) = \mathcal{L}^{-1} \left\{ \frac{H(s)}{s} \right\} = \frac{1}{16} \left(1 - e^{-2t} \cos(2\sqrt{3}t) - \frac{1}{\sqrt{3}} e^{-2t} \sin(2\sqrt{3}t) \right) u(t)$$

$$= \frac{1}{16} \left(1 - \frac{2}{\sqrt{3}} e^{-2t} \sin(2\sqrt{3}t + \frac{\pi}{3}) \right) u(t)$$



c) (1đ) Theo tính chất hàm riêng của hệ LTI, chúng ta đã biết rằng với tín hiệu vào $x(t) = e^{j\omega_0 t}$ thì tín hiệu ra $y(t) = H(j\omega_0)e^{j\omega_0 t}$ trong đó $H(j\omega)$ là đáp ứng tần số của hệ.

Hãy tìm đáp ứng của hệ (ở trạng thái xác lập) với tín hiệu vào $x(t) = \sin(4t)u(t)$. (Lưu ý: $u(t)$ là ký hiệu tín hiệu bước nhảy đơn vị).

Từ tính chất hàm riêng của hệ LTI ta suy ra được với tín hiệu vào $x(t) = (\sin \omega_0 t) \cdot u(t)$ thì tín hiệu ra (ở chế độ xác lập) là:

$$y_{ss}(t) = |H(j\omega_0)| \sin(\omega_0 t + \angle H(j\omega_0))$$

$$\text{với } \omega_0 = 4 \text{ ta có } H(j4) = \frac{1}{(j4)^2 + 4(j4) + 16} = \frac{1}{j16} = 0.06 e^{-j\frac{\pi}{2}}$$

$$\Rightarrow |H(j4)| = 0.06 \text{ và } \angle H(j4) = -\frac{\pi}{2}$$

$$\Rightarrow y_{ss}(t) = |H(j4)| \sin(4t + \angle H(j4)) = 0.06 \sin(4t - \frac{\pi}{2})$$

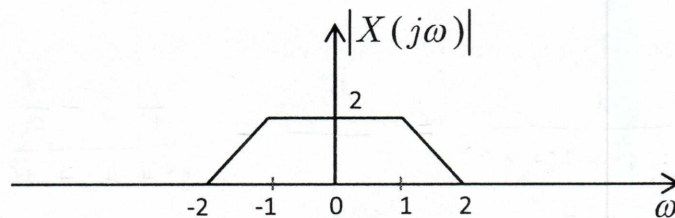
Bài 2 (Trích mẫu tín hiệu)

(2đ) Giả sử trong quá trình trích mẫu tín hiệu, ta thu được tín hiệu $x_s(t)$ từ tín hiệu $x(t)$. Biết rằng

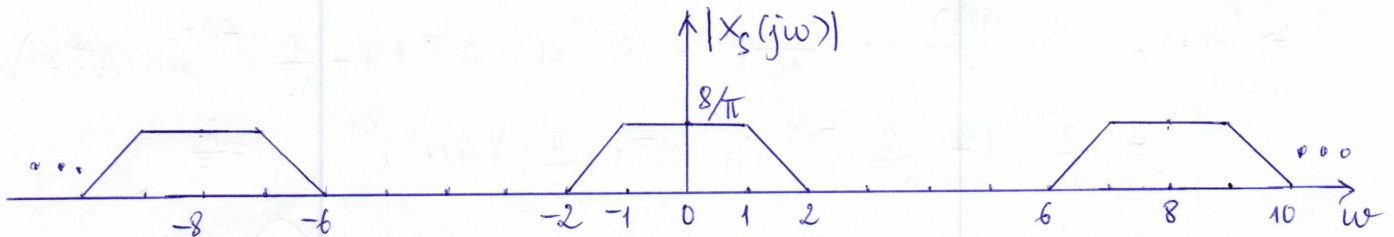
$x_s(t) = x(t)p(t)$ với $p(t) = \sum_{n=-\infty}^{\infty} \delta(t - nT)$ là hàm trích mẫu với chu kỳ trích mẫu $T = \pi/4$ giây.

Hãy vẽ phổ biên độ $|X_s(j\omega)|$ của $x_s(t)$ khi biết phổ biên độ $|X(j\omega)|$ của $x(t)$ có đồ thị như hình dưới đây.

Xác định xem có xảy ra hiện tượng trùng phổ hay không.



$$T = \frac{\pi}{4} \text{ do đó } \omega_s = \frac{2\pi}{T} \cdot 4 = 8$$



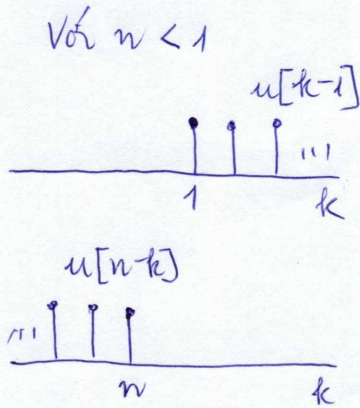
Không xảy ra hiện tượng trùng phổ.

PHẦN B: TÍN HIỆU VÀ HỆ THỐNG KHÔNG LIÊN TỤC

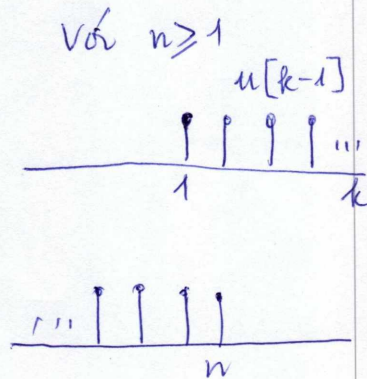
Bài 3 (Tích chập không liên tục)

(2đ) Hãy tính tích chập $x[n] * v[n]$ trong đó $x[n] = u[n-1]$ và $v[n] = 2(0.5)^n u[n]$. (Lưu ý: $u[n]$ là ký hiệu tín hiệu bước nhảy đơn vị).

Đặt $y[n] = x[n] * v[n]$ nên ta có $y[n] = \sum_{k=-\infty}^{\infty} u[k-1] \cdot 2(0.5)^{n-k} u[n-k]$



Hai đồ thị không chồng lên nhau.
 $\Rightarrow y[n] = 0, n < 1$



Hai đồ thị chồng lên nhau với $k=1, 2, \dots, n$
 $\Rightarrow y[n] = \sum_{k=1}^n 2 \cdot (0.5)^{n-k}$

$$\begin{aligned} y[n] &= 2(0.5)^n \sum_{k=1}^n 2^k, n \geq 1 \\ &= 2(0.5)^n \left(\sum_{k=0}^n 2^k - 1 \right) \\ &= 2(0.5)^n \left[\frac{1-2^{n+1}}{1-2} - 1 \right] \\ &= 2(0.5)^n (-2 + 2^{n+1}) \\ &= -(0.5)^{n-2} + 4, n \geq 1 \end{aligned}$$

Bài 4 (Phép biến đổi Z ngược)

(2đ) Hãy tìm đáp ứng xung $h[n]$ cho hệ thống nhân quả có hàm truyền

$$H(z) = \frac{z^2 + 1}{z^2 - 1.5z - 1}$$

Vẽ $h[n]$ với 5 giá trị đầu tiên của n .

$$\begin{aligned} \text{Ta có } \frac{H(z)}{z} &= \frac{z^2 + 1}{z(z^2 - 1.5z - 1)} = \frac{z^2 + 1}{z(z + 0.5)(z - 2)} \\ &= \frac{-1}{z} + \frac{1}{z + 0.5} + \frac{1}{z - 2} \\ \Rightarrow H(z) &= -1 + \frac{z}{z + 0.5} + \frac{z}{z - 2} \end{aligned}$$

$$\Rightarrow h[n] = z^{-1} \{ H(z) \} = -\delta[n] + (-0.5)^n u[n] + 2^n u[n]$$

